

Số: 55 /XNKDM

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Sản Xuất Xuất Nhập Khẩu Dệt may
- Địa chỉ : 20 đường Lĩnh Nam – Phường Mai Động – Quận Hoàng Mai – Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024.36335517 Fax: 024.38624620
- Website: <http://www.vinateximex.vn>
- Người chịu trách nhiệm công bố thông tin : Bùi Trung Dũng

Nội dung công bố thông tin :

Công ty cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu Dệt may xin công bố thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022, thông tin này cũng được công bố trên trang điện tử của Công ty tại địa chỉ <http://www.vinateximex.vn> mục Cổ đông.

Công ty chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc công bố thông tin.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Bùi Trung Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Hà Nội, tháng 03 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt may ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Phan Việt Hào	Chủ tịch
Ông Bùi Trung Dũng	Thành viên
Bà Hoàng Thúy Anh	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Bùi Trung Dũng	Tổng giám đốc
Bà Hoàng Thúy Anh	Phó Tổng giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc,



**Phan Việt Hào**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị - Đại diện theo pháp luật

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Số: **63/2023/BCKT-AVI-TC1**

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt may**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt may (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27/03/2023 và được trình bày từ trang số 05 đến trang số 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Số dư khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Thuận tại ngày 31/12/2022 là 6.915.995.582 đồng đã quá hạn thanh toán trên 03 năm, trong tháng 01/2023, khách hàng thanh toán cho Công ty số tiền 300.000.000 đồng. Chúng tôi không thu thập được Biên bản đối chiếu công nợ hợp lệ giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Thuận. Tại ngày 31/12/2022, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của khách hàng này với số tiền 5.677.995.582 đồng (tương ứng 85% số dư nợ chưa thu được đến ngày lập Báo cáo tài chính năm 2022); nếu trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo đúng quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành (sau khi trừ đi số tiền đã thu được vào tháng 01/2023), giá trị dự phòng phải trích lập bổ sung và ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2022 của Công ty là 938.000.000 đồng, theo đó, kết quả kinh doanh và lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Số dư khoản chi phí lãi vay phải trả tại ngày 31/12/2022 là 62.302.021.308 đồng (đã bao gồm khoản hoàn nhập lãi vay năm 2019 với số tiền 6 tỷ đồng được nêu trong “Ý kiến kiểm toán ngoại trừ” tại Báo cáo kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty); trong đó, số dư khoản lãi vay phải trả các ngân hàng thương mại và các doanh nghiệp khác lũy kế đến ngày 31/12/2022 là 61.898.084.323 đồng chưa có xác nhận/thỏa thuận thống nhất với các đối tác cho vay. Tương ứng, số chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2022 là 1.059.872.363 đồng, số chưa có xác nhận/thỏa thuận thống nhất là 655.935.378 đồng. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng không thể thu thập được bằng chứng thích hợp về giá trị hợp lý của các khoản lãi vay phải trả nêu trên và không đánh giá được ảnh hưởng của chỉ tiêu này tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

Chúng tôi không thể thu thập được Biên bản đối chiếu công nợ và bằng chứng kiểm toán thay thế cần thiết về số dư các khoản phải trả người bán của Công ty tại ngày 31/12/2022 với tổng giá trị ghi sổ là 1.409.284.379 đồng (đã được nêu trong “Ý kiến kiểm toán ngoại trừ” tại Báo cáo kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty).

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt may tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như nêu tại thuyết minh số 4.1 trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tại ngày 31/12/2022, Công ty có lỗ lũy kế khoảng 315,894 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2021 lỗ lũy kế là 316,015 tỷ đồng) làm cho vốn chủ hữu âm 271,167 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2021 là âm 271,288 tỷ đồng), số dư nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 261,656 tỷ đồng. Trong năm 2022 Công ty vẫn đang gặp khó khăn về tài chính và thanh toán các khoản nợ đến hạn trả. Việc cải thiện tình hình tài chính và khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty trong thời gian tới phụ thuộc vào việc Công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh, tạo ra nguồn thu trong tương lai, thu xếp được nguồn tài chính cũng như sự hỗ trợ từ Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt may Việt Nam. Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty tiếp tục làm việc với các ngân hàng, đối tác, tìm kiếm các giải pháp để cân đối nguồn trả nợ trong năm tài chính 2023. Trong năm 2022, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội đã miễn giảm toàn bộ lãi tiền vay lũy kế sau khi Công ty đã thanh toán số dư nợ gốc tiền vay ngân hàng nhờ nguồn vốn vay của Tập đoàn Dệt may Việt Nam. Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty tin tưởng sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ từ các tổ chức tín dụng, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt may Việt Nam để tháo gỡ các khó khăn về tài chính trong thời gian tới, theo đó, Báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên giả thiết hoạt động liên tục là phù hợp.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty được kiểm toán bởi Kiểm toán viên khác. Tại Báo cáo kiểm toán số 21-02-00241-22-3 ngày 31/03/2022, Kiểm toán viên trình bày ý kiến kiểm toán ngoại trừ về khoản phải trả người bán có giá trị ghi sổ 1,4 tỷ đồng không được gửi thư xác nhận và ảnh hưởng của việc hoàn nhập chi phí lãi vay trích trước vào năm 2019 với số tiền 6 tỷ đồng nhưng không có thỏa thuận hoặc văn bản điều chỉnh lãi suất và lãi vay phải trả của ngân hàng cho vay.



**Vũ Bình Minh**  
Tổng giám đốc  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2023-055-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**  
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

**Trần Thị Trang**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2909-2020-055-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

**MẪU SỐ B01- DN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3.875.071.950</b>	<b>8.848.712.372</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.391.164.163	4.101.978.649
1. Tiền	111	5	1.391.164.163	4.101.978.649
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.697.131.185	4.512.621.049
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	239.512.196.241	243.251.019.559
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		501.643.155	501.643.155
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	364.452.227	367.892.893
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(238.681.160.438)	(239.607.934.558)
III. Hàng tồn kho	140	8	-	-
1. Hàng tồn kho	141		53.766.439	53.766.439
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(53.766.439)	(53.766.439)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		786.776.602	234.112.674
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.757.671	22.705.721
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	776.018.931	211.406.953
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.512.323.801</b>	<b>3.959.092.918</b>
I. Tài sản cố định	220		1.354.165.801	1.758.892.918
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.354.165.801	1.758.892.918
- Nguyên giá	222		6.235.124.550	6.569.622.072
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.880.958.749)	(4.810.729.154)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	2.158.158.000	2.200.200.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		412.560.000	412.560.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.200.200.000	2.200.200.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(454.602.000)	(412.560.000)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>7.387.395.751</b>	<b>12.807.805.290</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MÃ SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>278.554.006.833</b>	<b>284.096.288.838</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>265.530.755.783</b>	<b>277.573.037.788</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	6.378.276.464	6.528.276.464
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	19.780.202.035	19.787.984.623
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	28.775.510	21.036.799
4. Phải trả người lao động	314		410.680.566	157.443.375
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	62.906.585.401	61.786.838.287
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		175.458.180	102.180.748
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	13.508.451.900	3.555.275.508
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	162.340.030.826	185.631.707.083
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.294.901	2.294.901
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.023.251.050</b>	<b>6.523.251.050</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	13	13.023.251.050	6.523.251.050
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(271.166.611.082)</b>	<b>(271.288.483.548)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>(271.166.611.082)</b>	<b>(271.288.483.548)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.797.630.000	42.797.630.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.797.630.000	42.797.630.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		779.763.000	779.763.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.149.867.833	1.149.867.833
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(315.893.871.915)	(316.015.744.381)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(316.015.744.381)	(307.454.099.463)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		121.872.466	(8.561.644.918)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>7.387.395.751</b>	<b>12.807.805.290</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Trần Phương Thảo

Nguyễn Thị Huệ

Phan Việt Hào



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MẪU SỐ B02- DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	11.552.240.752	26.093.344.021
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11.552.240.752	26.093.344.021
4. Giá vốn hàng bán	11	21	8.464.505.352	23.090.265.555
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.087.735.400	3.003.078.466
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.060.232.635	855.573.688
7. Chi phí tài chính	22	23	1.104.925.984	9.323.820.406
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	1.059.872.363	9.320.924.017
8. Chi phí bán hàng	25	24	537.383.584	531.211.711
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	2.384.198.342	2.562.095.474
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		121.460.125	(8.558.475.437)
11. Thu nhập khác	31		563.053	3.000.000
12. Chi phí khác	32		150.712	6.169.481
13. Lợi nhuận khác	40		412.341	(3.169.481)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		121.872.466	(8.561.644.918)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		121.872.466	(8.561.644.918)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	28	(2.000)

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập

Trần Phương Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Huệ

Chủ tịch HĐQT



Phan Việt Hào

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**MẪU SỐ B03 - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	16.407.414.821	28.076.504.762
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(9.282.610.897)	(23.486.209.775)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.544.554.474)	(1.633.959.167)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	197.967.833	263.572.132
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.651.457.504)	(2.363.202.752)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>3.126.759.779</b>	<b>856.705.200</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.010.000.000	813.730.303
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.010.000.000</b>	<b>813.730.303</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	23.500.060.015	3.500.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(30.281.272.146)	(4.059.498.524)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(70.000.000)	(50.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(6.851.212.131)</b>	<b>(609.498.524)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(2.714.452.352)</b>	<b>1.060.936.979</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4.101.978.649</b>	<b>3.039.198.285</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.637.866	1.843.385
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>1.391.164.163</b>	<b>4.101.978.649</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Trần Phương Thảo

Nguyễn Thị Huệ

Phan Việt Hào

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt may (gọi tắt là "Công ty") trụ sở đặt tại số 20 đường Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102405830 ngày 17/10/2007, đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ sáu ngày 26/10/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 42.797.630.000 đồng

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 15 người (ngày 31/12/2021 là 17 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu phục vụ ngành may.

**1.2. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có lỗ lũy kế khoảng 315,894 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2021 lỗ lũy kế là 316,015 tỷ đồng) làm cho vốn chủ sở hữu âm 271,167 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2021 là âm 271,288 tỷ đồng), số dư nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 261,656 tỷ đồng. Trong năm 2022 Công ty vẫn đang gặp khó khăn về tài chính và thanh toán các khoản nợ đến hạn trả. Việc cải thiện tình hình tài chính và khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty trong thời gian tới phụ thuộc vào việc Công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh, tạo ra nguồn thu trong tương lai, thu xếp được nguồn tài chính cũng như sự hỗ trợ từ Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt may Việt Nam. Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty tiếp tục làm việc với các ngân hàng, đối tác, tìm kiếm các giải pháp để cân đối nguồn trả nợ trong năm tài chính 2023. Trong năm 2022, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội đã miễn giảm toàn bộ lãi tiền vay lũy kế cho Công ty sau khi thanh toán được số dư nợ gốc nhờ nguồn vốn vay của Tập đoàn Dệt may Việt Nam. Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty tin tưởng sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ từ các tổ chức tín dụng, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt may Việt Nam để tháo gỡ các khó khăn về tài chính trong thời gian tới, theo đó, Báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên giả thiết hoạt động liên tục là phù hợp.

**4.2. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

**4.4. Chuyển đổi ngoại tệ**

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái, số dư khoản mục này được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**4.5. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu của khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

**4.6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

#### 4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ, phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí công cụ, dụng cụ, xuất dùng, đồ dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 3 năm.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

#### 4.8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định được áp dụng như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 10

#### 4.9. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

##### Đầu tư vào công ty liên kết

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư (công ty liên kết) mà không có thỏa thuận khác.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### **Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

#### **Dự phòng tổn thất đầu tư vốn vào đơn vị khác**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và phần sở hữu của Công ty trong vốn chủ sở hữu thực có tại bên nhận đầu tư. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư góp vốn khác là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường của khoản đầu tư hoặc phần sở hữu của Công ty trong vốn chủ sở hữu thực có của bên nhận đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư được trích lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

#### **4.10. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả về tiền phạt, bồi thường; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

#### **4.11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về lãi tiền vay phải trả và số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

#### **4.12. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

#### **4.13. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 4.14. Ghi nhận doanh thu

**Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính** bao gồm: lãi tiền gửi; cổ tức, lợi nhuận được chia (nếu có); lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- (a) Lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ;
- (b) Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận;
- (c) Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

**Thu nhập khác** phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

#### 4.15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **4.16. Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MÂY****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	248.609.362	295.524.530
Tiền gửi ngân hàng	1.142.554.801	3.806.454.119
<b>Cộng</b>	<b><u>1.391.164.163</u></b>	<b><u>4.101.978.649</u></b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Dệt may Hoàng Anh	33.733.572.750	33.823.572.750
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	40.291.792.764	40.296.792.764
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hà Đông	29.921.566.760	29.921.566.760
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Sản xuất Nhật Sơn	25.301.949.928	25.366.949.928
Công ty TNHH Tân Việt	19.559.547.880	19.559.547.880
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Tinh Mã	15.668.572.715	15.668.572.715
Công ty Cổ phần Minh Sơn	12.604.104.470	12.604.104.470
Các khách hàng khác	62.431.088.974	66.009.912.292
<b>Cộng</b>	<b><u>239.512.196.241</u></b>	<b><u>243.251.019.559</u></b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng cho nhân viên	241.114.000	(194.345.880)	239.114.000	-
Phải thu khác	123.338.227	(7.065.144)	128.778.893	(7.065.144)
<b>Cộng</b>	<b><u>364.452.227</u></b>	<b><u>(201.411.024)</u></b>	<b><u>367.892.893</u></b>	<b><u>(7.065.144)</u></b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	53.766.439	(53.766.439)	53.766.439	(53.766.439)
<b>Cộng</b>	<b><u>53.766.439</u></b>	<b><u>(53.766.439)</u></b>	<b><u>53.766.439</u></b>	<b><u>(53.766.439)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MÃU SỐ B09 - DN**

**9. NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	31/12/2022				01/01/2022			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	Năm	VND	VND	VND	Năm	VND	VND	VND
Công ty TNHH Dệt may Hoàng Anh	Trên 3 năm	33.733.572.750	-	(33.733.572.750)	Trên 3 năm	33.823.572.750	-	(33.823.572.750)
Công ty Cổ Phần Tập đoàn An Phát	Trên 3 năm	40.291.792.764	-	(40.291.792.764)	Trên 3 năm	40.296.792.764	-	(40.296.792.764)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và XNK Hà Đông	Trên 3 năm	29.921.566.760	-	(29.921.566.760)	Trên 3 năm	29.921.566.760	-	(29.921.566.760)
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Sản xuất Nhật Sơn	Trên 3 năm	25.301.949.928	-	(25.301.949.928)	Trên 3 năm	25.366.949.928	-	(25.366.949.928)
Công ty TNHH Tân Việt	Trên 3 năm	19.559.547.880	-	(19.559.547.880)	Trên 3 năm	19.559.547.880	-	(19.559.547.880)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành	Trên 3 năm	6.915.995.582	1.238.000.000	(5.677.995.582)	Trên 3 năm	9.365.995.582	3.688.000.000	(5.677.995.582)
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Tinh Mã	Trên 3 năm	15.668.572.715	-	(15.668.572.715)	Trên 3 năm	15.668.572.715	-	(15.668.572.715)
Công ty Cổ phần Minh Sơn	Trên 3 năm	12.604.104.470	-	(12.604.104.470)	Trên 3 năm	12.604.104.470	-	(12.604.104.470)
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	56.253.501.590	331.444.001	(55.922.057.589)	Trên 3 năm	56.688.831.709	-	(56.688.831.709)
<b>Cộng</b>		<b>240.250.604.439</b>	<b>1.569.444.001</b>	<b>(238.681.160.438)</b>		<b>243.295.934.558</b>	<b>3.688.000.000</b>	<b>(239.607.934.558)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2022	5.229.875.938	151.500.000	750.654.545	437.591.589	6.569.622.072
Giảm khác	-	-	-	(334.497.522)	(334.497.522)
Tại ngày 31/12/2022	5.229.875.938	151.500.000	750.654.545	103.094.067	6.235.124.550
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2022	3.710.576.175	95.911.290	567.180.641	437.061.048	4.810.729.154
Khấu hao trong năm	349.238.204	18.300.000	36.658.372	530.541	404.727.117
Giảm khác	-	-	-	(334.497.522)	(334.497.522)
Tại ngày 31/12/2022	4.059.814.379	114.211.290	603.839.013	103.094.067	4.880.958.749
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2022	1.519.299.763	55.588.710	183.473.904	530.541	1.758.892.918
Tại ngày 31/12/2022	1.170.061.559	37.288.710	146.815.532	-	1.354.165.801
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	837.873.546	60.000.000	-	103.094.067	1.000.967.613
Giá trị còn lại của TSCĐ mang đi cầm cố, thế chấp	1.170.061.556	-	-	-	1.170.061.556

**11. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ biểu quyết %	31/12/2022			01/01/2022		
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty liên kết</b>			412.560.000	(412.560.000)	-	412.560.000	(412.560.000)	-
Công ty cổ phần Coffee Indochine	20%	20%	412.560.000	(412.560.000)	-	412.560.000	(412.560.000)	-
<b>Đơn vị khác</b>			2.200.200.000	(42.042.000)	2.158.158.000	2.200.200.000	-	2.200.200.000
Công ty Cổ phần Đáp Cầu - Yên Phong	9,26%	9,26%	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần X20 - Bộ quốc phòng	0,12%	0,12%	200.200.000	(42.042.000)	158.158.000	200.200.000	-	200.200.000
<b>Cộng</b>			2.612.760.000	(454.602.000)	2.158.158.000	2.612.760.000	(412.560.000)	2.200.200.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>4.968.992.085</b>	<b>4.968.992.085</b>	<b>5.118.992.085</b>	<b>5.118.992.085</b>
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	4.968.992.085	4.968.992.085	5.118.992.085	5.118.992.085
<b>Phải trả nhà cung cấp khác</b>	<b>1.409.284.379</b>	<b>1.409.284.379</b>	<b>1.409.284.379</b>	<b>1.409.284.379</b>
Công ty Cổ phần Vinacom Việt Nam	487.092.347	487.092.347	487.092.347	487.092.347
Công ty TNHH Dệt may Hà Nội	377.998.500	377.998.500	377.998.500	377.998.500
Các nhà cung cấp khác	544.193.532	544.193.532	544.193.532	544.193.532
<b>Cộng</b>	<b>6.378.276.464</b>	<b>6.378.276.464</b>	<b>6.528.276.464</b>	<b>6.528.276.464</b>

**13. VAY VÀ THUÊ NỢ TÀI CHÍNH**

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>185.631.707.083</b>	<b>-</b>	<b>17.000.500.000</b>	<b>40.292.176.257</b>	<b>162.340.030.826</b>	<b>-</b>
Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần - Bên liên quan (1)	3.500.000.000	-	-	-	3.500.000.000	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	53.646.153.788	-	-	2.750.000.001	50.896.153.787	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển Dịch vụ Nhất Long (3)	8.050.000.000	-	500.000	-	8.050.500.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội	27.309.267.207	-	-	27.309.267.207	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (4)	17.139.246.684	-	-	10.232.909.049	6.906.337.635	-
Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Bên liên quan (5)	75.987.039.404	-	17.000.000.000	-	92.987.039.404	-
<b>Vay dài hạn</b>	<b>6.523.251.050</b>	<b>-</b>	<b>23.500.000.000</b>	<b>17.000.000.000</b>	<b>13.023.251.050</b>	<b>-</b>
Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Bên liên quan (6)	6.523.251.050	-	23.500.000.000	17.000.000.000	13.023.251.050	-
<b>Cộng</b>	<b>192.154.958.133</b>	<b>-</b>	<b>40.500.500.000</b>	<b>57.292.176.257</b>	<b>175.363.281.876</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN**

**Thông tin các hợp đồng vay của Công ty như sau:**

Nội dung	Số hợp đồng	Số dư tại 31/12/2022 (tỷ đồng)	Mục đích	Thời hạn	Tài sản đảm bảo
<b>Vay ngắn hạn</b>					
(1) Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần	Số 01/2013/HĐ ngày 24/05/2013	3,5	Bổ sung thêm nguồn vốn để đầu tư thiết bị và vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh	Khoản vay đã quá hạn thanh toán	
(2) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Số 01.190.2013/HĐTDHM ngày 20/09/2013	50,9	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh	Khoản vay đã quá hạn thanh toán	Bảo lãnh của Tập đoàn Dệt may Việt Nam
(3) Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển Dịch vụ Nhất Long (Chuyên từ khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam)	Số 551.13.065.20216.TD ngày 23/08/2013 và số 771.13.065.20216.TD ngày 11/11/2013	8,05	Thanh toán LC nhập khẩu thiết bị ngành may, Bông	Khoản vay đã quá hạn thanh toán và chuyển sang Nhất Long theo Hợp đồng mua bán nợ số 61/2021/HĐMBN/MB-NL ngày 05/11/2021	Thiết bị, hàng hóa hình thành từ khoản vay và tín chấp của Tập đoàn dệt may Việt Nam
(4) Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	HĐ Tín dụng số 01/2014/HĐKT/HN ngày 24/01/2014	6,9	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh	Khoản vay đã quá hạn thanh toán	Tín chấp và bảo lãnh của Tập đoàn Dệt may Việt Nam
	Số 08/TDDM/VN - VINATEXIMEX ngày 31/07/2015	75,98	Trả nợ của NH TMCP Ngoại thương Việt Nam theo công văn 1505/KH ngày 31/07/2015	Khoản vay đã quá hạn thanh toán	Toàn bộ tài sản gắn liền trên đất và quyền sử dụng đất tại 20 Lĩnh Nam
(5) Tập đoàn Dệt may Việt Nam	01/HĐ-VNT/XNKDM ngày 30/12/2021	7	Trả gốc vay của VTI tại NH TMCP Sài Gòn Hà Nội	Đến 31/12/2023	200.000 cổ phần tại Công ty cổ phần Đáp Cầu - Yên Phong theo hợp đồng cầm cố 01/VNT-XNKDM và tài sản trên đất tại số 315 phố Đà Nẵng, Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng
	02/HĐ-VNT/XNKDM ngày 26/10/2022	10	Trả gốc vay của VTI tại NH TMCP Sài Gòn Hà Nội	Đến 31/12/2023	

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN**

<b>Nội dung</b>	<b>Số hợp đồng</b>	<b>Số dư tại 31/12/2022 (tỷ đồng)</b>	<b>Mục đích</b>	<b>Thời hạn</b>	<b>Tài sản đảm bảo</b>
<b>Vay dài hạn</b>					
(6) Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Số 01/HĐ-TDDMVN ngày 17/01/2017	3,02	Nộp tiền truy thu thuế năm 2013, 2014	Ngay sau khi nhận được khoản tiền từ hợp tác khai thác quỹ đất tại 20 Lĩnh Nam - Hoàng Mai - Hà Nội	Toàn bộ tài sản gắn liền trên đất và quyền sử dụng đất tại 20 Lĩnh Nam
	03/HĐ-VNT/XNKDM ngày 21/12/2022	10	Trả gốc vay của VTI tại NH TMCP Sài Gòn Hà Nội	Đến 31/12/2024	200.000 cổ phần tại Công ty cổ phần Đáp Cầu - Yên Phong theo hợp đồng cầm cố 01/VNT-XNKDM và tài sản trên đất tại số 315 phố Đà Nẵng, Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
<b>Người mua trả trước là bên liên quan</b>	<b>19.462.747.660</b>	<b>19.462.747.660</b>
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	19.462.747.660	19.462.747.660
<b>Trả trước của khách hàng khác</b>	<b>317.454.375</b>	<b>325.236.963</b>
RICH CREATION ASIA PACIFIC LTD	239.660.540	239.660.540
Khách hàng khác	77.793.835	85.576.423
<b>Cộng</b>	<b><u>19.780.202.035</u></b>	<b><u>19.787.984.623</u></b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>01/01/2022</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>31/12/2022</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	9.228.001	364.009.949	354.579.643	18.658.307
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(135.048.552)	-	-	(135.048.552)
Thuế thu nhập cá nhân	11.808.798	14.997.697	16.689.292	10.117.203
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(76.358.401)	1.536.886.739	2.101.498.717	(640.970.379)
<b>Cộng</b>	<b><u>(190.370.154)</u></b>	<b><u>1.915.894.385</u></b>	<b><u>2.472.767.652</u></b>	<b><u>(747.243.421)</u></b>
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	211.406.953			776.018.931
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21.036.799			28.775.510

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	62.302.021.308	61.242.148.945
Các khoản trích trước khác	604.564.093	544.689.342
<b>Cộng</b>	<b><u>62.906.585.401</u></b>	<b><u>61.786.838.287</u></b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Cổ tức phải trả	3.172.910.000	3.242.910.000
Kinh phí công đoàn	1.532.812	2.265.874
Phải trả Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Bên liên quan (i)	10.010.904.110	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	323.104.978	310.099.634
<b>Cộng</b>	<b><u>13.508.451.900</u></b>	<b><u>3.555.275.508</u></b>

- (i) Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam thu gốc khoản vay của Công ty trực tiếp thông qua tài khoản của Tập đoàn Dệt may Việt Nam - đơn vị bảo lãnh cho khoản vay của Công ty. Công ty đang làm việc với Tập đoàn Dệt may Việt Nam về khoản thanh toán trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ Đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	42.797.630.000	779.763.000	1.149.867.833	(307.454.099.463)	(262.726.838.630)
Lỗi trong năm	-	-	-	(8.561.644.918)	(8.561.644.918)
Tại ngày 01/01/2022	42.797.630.000	779.763.000	1.149.867.833	(316.015.744.381)	(271.288.483.548)
Lỗi trong năm	-	-	-	121.872.466	121.872.466
Tại ngày 31/12/2022	42.797.630.000	779.763.000	1.149.867.833	(315.893.871.915)	(271.166.611.082)

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	29.250.000.000	68,34%	29.250.000.000	68,34%
Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần	2.334.340.000	5,45%	2.334.340.000	5,45%
Các cổ đông khác	11.213.290.000	26,20%	11.213.290.000	26,20%
<b>Cộng</b>	<b>42.797.630.000</b>	<b>100%</b>	<b>42.797.630.000</b>	<b>100%</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	42.797.630.000	42.797.630.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	42.797.630.000	42.797.630.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-



Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## Cổ phiếu

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.279.763	4.279.763
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.279.763	4.279.763
Cổ phiếu phổ thông	4.279.763	4.279.763
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.279.763	4.279.763
Cổ phiếu phổ thông	4.279.763	4.279.763
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu	10.000	10.000

## 19. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

## Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Đô la Mỹ (USD)	1.287,47	1.313,87
EUR	-	12,68

## 20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	7.414.579.972	22.073.354.600
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.137.660.780	4.019.989.421
<b>Cộng</b>	<b><u>11.552.240.752</u></b>	<b><u>26.093.344.021</u></b>

## 21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	7.387.380.924	22.048.133.000
Giá vốn của dịch vụ cung ứng	1.077.124.428	1.042.132.555
<b>Cộng</b>	<b><u>8.464.505.352</u></b>	<b><u>23.090.265.555</u></b>

## 22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	1.594.769	3.750.103
Lãi bán hàng trả chậm	45.000.000	40.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.010.000.000	809.980.200
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.637.866	1.843.385
<b>Cộng</b>	<b><u>1.060.232.635</u></b>	<b><u>855.573.688</u></b>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.059.872.363	9.320.924.017
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	42.042.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.863.830	2.896.389
Chi phí tài chính khác	1.147.791	-
<b>Cộng</b>	<b>1.104.925.984</b>	<b>9.323.820.406</b>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>537.383.584</b>	<b>531.211.711</b>
Chi phí nhân công	516.090.767	506.983.916
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.037.205	11.282.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.255.612	12.944.940
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>2.384.198.342</b>	<b>2.562.095.474</b>
Chi phí nhân công	1.580.794.421	1.432.898.697
Chi phí khấu hao tài sản cố định	291.420.629	105.770.098
Thuế, phí và lệ phí	1.024.766.697	1.012.312.780
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(926.774.120)	(380.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	413.990.715	391.113.899
<b>Cộng</b>	<b>2.921.581.926</b>	<b>3.093.307.185</b>

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN</b>	<b>121.872.466</b>	<b>(8.561.644.918)</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(175.027.177)	2.268.949.833
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(1.010.000.000)</i>	<i>(809.980.200)</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>834.972.823</i>	<i>3.078.930.033</i>
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	7.387.380.924	22.048.133.000
Chi phí nhân công	2.096.885.188	1.939.882.613
Chi phí khấu hao tài sản cố định	404.727.117	245.188.419
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(926.774.120)	(380.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	2.423.868.169	2.330.368.708
<b>Cộng</b>	<b>11.386.087.278</b>	<b>26.183.572.740</b>

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	121.872.466	(8.561.644.918)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	121.872.466	(8.561.644.918)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.279.763	4.279.763
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>28</b>	<b>(2.000)</b>

**28. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty chỉ giao dịch với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	Cùng Công ty mẹ
Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần	Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ bên liên kết của Công ty mẹ

Ngoài giao dịch và số dư với các bên liên quan đã trình bày tại các Thuyết minh, Công ty có giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

**Giao dịch với bên liên quan**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Chi phí lãi vay phát sinh trong năm</b>		
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	403.936.985	-
<b>Chi trả cổ tức</b>		
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	70.000.000	50.000.000

Số dư với bên liên quan

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Tập đoàn dệt may Việt Nam</b>		
Phải thu khác	111.088.083	111.088.083
Chi phí lãi vay phải trả	403.936.985	-
Tiền cổ tức phải trả	3.120.000.000	3.190.000.000
Phải trả khác	10.010.904.110	-
<b>Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân</b>		
Chi phí phải trả	501.420.518	501.420.518

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Ông Phan Việt Hào	Chủ tịch HĐQT	127.628.194	92.057.335
Ông Bùi Trung Dũng	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	141.278.719	138.444.486
Bà Hoàng Thúy Anh	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	137.336.357	133.330.641
<b>Cộng</b>		<b>406.243.270</b>	<b>363.832.462</b>

29. THÔNG TIN KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của ban kiểm soát	193.674.563	128.193.296

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Trần Phương Thảo

Nguyễn Thị Huệ

Phan Việt Hào